

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Mẫu số 12/ĐK
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **543** /PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày **23** tháng **6** năm 2025

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
CỦA 11 HỒ SƠ DỰ ÁN KHU DÂN CƯ VÀ CÔNG VIÊN PHƯỚC THIỆN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC (Lô A4 - S7)

Kính gửi: Đội Thuế Thành phố Thủ Đức.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Mã hồ sơ: *Theo danh sách đính kèm 11 hồ sơ.*

1.2. Ngày nhận hồ sơ: ngày 06 tháng 6 năm 2025.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: *Theo danh sách đính kèm 11 hồ sơ.*

2.1. Tên.....

2.2. Địa chỉ:

2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):.....

2.4. Mã số thuế (nếu có):.....

2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân:

Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp:.....

2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

3.1. Thông tin về đất

3.1.1. Thửa đất số: 310; Tờ bản đồ số: 106;

3.1.2. Địa chỉ tại: số 88 đường Phước Thiện, khu phố Phước Thiện, phường Long Bình, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM (Lô A4 - S7 - Khu A - Dự án khu dân cư và công viên Phước Thiện).

3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất:

- Đường/đoạn đường/khu vực: đường Phước Thiện (đường Nguyễn Xiển đến cuối đường);

- Vị trí thửa đất: Vị trí: 1.

- Chiều sâu của thửa đất (nếu có):.

- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):.....m.

3.1.4 Diện tích thửa đất: 21.784,0m²

- Diện tích sử dụng chung: 21.784,0 m²

- Diện tích sử dụng riêng:m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m²

- Diện tích đất trong hạn mức:.....m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m²

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:

3.1.6. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài ☒

- Có thời hạn:.....năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....

- Gia hạn:..... năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....;

3.1.9. Giá đất: theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT79250 ngày 24 tháng 12 năm 2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: **Theo danh sách đính kèm 11 hồ sơ.**

3.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:.....;

3.2.2. Diện tích xây dựng: m²;

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: m²/diện tích sử dụng: m²;

3.2.4. Diện tích sở hữu chung; Diện tích sở hữu riêng:.....m²;

3.2.5. Số tầng:

+ 26 tầng + 02 hầm + tầng tum thang (Tòa S7.01; Tòa S7.03);

+ 30 tầng + 02 hầm + tầng tum thang (Tòa S7.02);

+ 21 tầng + 02 hầm + tầng tum thang (Tòa S7.05);

3.2.6. Nguồn gốc:.....

3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: năm.

Kết cấu: Tường gạch, khung cột BTCT, sàn BTCT, mái BTCT.

Năm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng: năm 2022.

IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

- Tiền sử dụng đất:.....
- Lệ phí trước bạ:.....

V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

Đính kèm 11 hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm:

- + Hợp đồng mua bán, văn bản chuyển nhượng.
- + Biên bản bàn giao nhà.
- + Bản vẽ sơ đồ căn hộ.
- + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Trung tâm Công nghệ Thông tin (để đăng tin);
- Công ty CP KD BĐS MV Việt Nam;
- Lưu: VT, ĐK(HS), Ngọc.

HS: 4458/2025 *ngp*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC ✓



Lê Thành Phương

Lê Thành Phương

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH 11 CĂN HỘ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
THUỘC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ VÀ CÔNG VIÊN PHƯỚC THIÊN, PHƯỜNG LONG BÌNH.**

TP. THỦ ĐỨC (Vinhomes Grand Park - A4 - S7)
(Đính kèm Phiếu chuyển số 543/PC-VPĐK-ĐK ngày 23/6/2025 của Văn phòng ĐKĐĐ TP)

STT	Biên nhận	Tên Khách hàng	Mã căn theo HĐMB	Mã căn theo PADSN	Diện tích sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Loại tài sản
1	4458	Ông VÕ TRUNG HIẾU Năm sinh: 1992; CCCD số: 049092003281 Địa chỉ thường trú: 74/11A Đường 7, Kp3, Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh Bà TRƯƠNG THỊ KIỀU MY Năm sinh: 1994; CCCD số: 077194000618 Địa chỉ thường trú: 74/11A Đường 7, Kp3, Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	S7.0105.15	5.15, Tầng 5, Tòa nhà S7.01	63.5	69.2	Căn hộ
2	4459	Ông LÊ TUẤN ANH Năm sinh: 1983; CCCD số: 079083028491 Địa chỉ thường trú: 34 Nguyễn Văn Vĩnh, Phường 4, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh Bà HUỲNH DIỄM THỦY Năm sinh: 1984; CCCD số: 079184005212 Địa chỉ thường trú: 34 Nguyễn Văn Vĩnh, Phường 4, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	S7.0118.09	18.09, Tầng 18, Tòa nhà S7.01	54.4	59.2	Căn hộ
3	4460	Ông HUỲNH VĂN DŨNG Năm sinh: 1982; CCCD số: 060082007986 Địa chỉ thường trú: 27 Đường 1E Melosa, Tổ 1, KP 3, Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh Bà LÊ THỊ THỦY HẰNG Năm sinh: 1984; CCCD số: 045184001543 Địa chỉ thường trú: 27 Đường 1E Melosa, Tổ 1, KP 3, Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	S7.0207.17	7.17, Tầng 7, Tòa nhà S7.02	76.1	82.3	Căn hộ
4	4461	Ông NGUYỄN THỌ ANH Năm sinh: 1982; CCCD số: 040082037028 Địa chỉ thường trú: Khu 17, Vạn Xuân, Tam Nông, Phú Thọ Bà ĐẶNG MINH HUYỀN Năm sinh: 1985; CCCD số: 001185045650 Địa chỉ thường trú: 261 Ngõ Gia Tự Tổ 3, Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	S7.0208.15	8.15, Tầng 8, Tòa nhà S7.02	61.7	66.5	Căn hộ
5	4462	Bà TRẦN THỊ GIÀU Năm sinh: 1973; CCCD số: 087173010073 Địa chỉ thường trú: 477/1 Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 19, Thị trấn Nhà Bè, Huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh	S7.0216.14	16.14, Tầng 16, Tòa nhà S7.02	47.8	51.4	Căn hộ
6	4463	Ông LÊ VĂN TUẤN Năm sinh: 1963; CCCD số: 033063002399 Địa chỉ thường trú: Nguyễn Viết Xuân, Ngõ Quyền, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc Bà NGUYỄN THỊ VÂN Năm sinh: 1971; CCCD số: 026171001785 Địa chỉ thường trú: TDP Nguyễn Viết Xuân, Ngõ Quyền, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc	S7.0224.26	24.26, Tầng 24, Tòa nhà S7.02	64.4	70.3	Căn hộ
7	4464	Ông PHAN SỸ TUẤN Năm sinh: 1971; CCCD số: 001071014122 Địa chỉ thường trú: Số 11 Thuyền Quang, Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội Bà NGUYỄN THỊ THU HIỀN Năm sinh: 1975; CCCD số: 001175018631 Địa chỉ thường trú: Số 11 Thuyền Quang, Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	S7.0229.05	29.05, Tầng 29, Tòa nhà S7.02	54.6	59.2	Căn hộ

STT	Biên nhận	Tên Khách hàng	Mã căn theo HĐMB	Mã căn theo PADSN	Diện tích sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Loại tài sản
8	4465	Bà TRẦN THỊ BẢO NGÂN Năm sinh: 1998; CCCD số: 052198005450 Địa chỉ thường trú: 57 Quang Trung, Tăng Bạt Hổ, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định	S7.0314.03	14.03, Tầng 14, Tòa nhà S7.03	62.5	67.8	Căn hộ
9	4466	Ông DƯƠNG ANH TÚ Năm sinh: 1973; CCCD số: 015073001978 Địa chỉ thường trú: Ấp 7, Bàu Cạn, Long Thành, Đồng Nai Bà HỒ THỊ THỦY TIỀN Năm sinh: 1976; CCCD số: 046176002676 Địa chỉ thường trú: 166/4A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	S7.0319.07	19.07, Tầng 19, Tòa nhà S7.03	54.6	59.1	Căn hộ
10	4467	Ông TRẦN VĂN PHÚ Năm sinh: 1981; CCCD số: 056081000138 Địa chỉ thường trú: Căn hộ Lb10,04 Chung cư Lexington, An Phú, Thành phố Thủ Đức, Tp. HCM Bà TRƯƠNG THỊ NGỌC HUYỀN Năm sinh: 1981; CCCD số: 054181000105 Địa chỉ thường trú: Căn hộ Lb10,04 Chung cư Lexington, An Phú, Thành phố Thủ Đức, Tp. HCM	S7.0509.01	9.01, Tầng 9, Tòa nhà S7.05	28.0	31.0	Căn hộ
11	4468	Ông HỒ NGUYỄN DUY BẢO Năm sinh: 1979; CCCD số: 052079034724 Địa chỉ thường trú: D12 Ấp Mới 1, Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh Bà NGUYỄN THỊ HOÀN LÀNH Năm sinh: 1984; CCCD số: 045184010450 Địa chỉ thường trú: D12 Ấp Mới 1, Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	S7.0103.04	3.04, Tầng 3, Tòa nhà S7.01	63.9	69.5	Căn hộ

7/12

